

Bản án số: 23/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 25/9/2020

“V/v tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đồng Ánh Đông.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Thảo và bà Trần Thị Kia.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A tham gia phiên tòa: Ông Lê Minh Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 25/9/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 121/2020/TLST-HNGĐ ngày 29/6/2020 “Về việc tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 21/8/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 40/2020/QĐST-HNGĐ ngày 09/9/2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Mỹ N, sinh năm 1995; địa chỉ: xx7 ĐT, Tổ T, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Trần Trọng Ng, sinh năm 1992; địa chỉ: xx7 ĐT, Tổ T, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị Mỹ N trình bày: Chị N và anh Trần Trọng Ng tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai vào ngày 05/11/2014. Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do không hợp tính nhau, khác nhau về quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi vã, xích mích, anh Ng nghi ngờ chị không chung thủy. Hiện nay, vợ chồng đã sống ly thân, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được

nên không thể kéo dài cuộc sống chung với nhau. Do vậy, chị N yêu cầu Tòa án giải quyết xin được ly hôn với anh Ng.

- Về con chung: Chị N và anh Ng có một con chung là Trần Lê Cát V, sinh ngày 23/5/2015. Chị N có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu V và không yêu cầu anh Ng phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản và nợ chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại bản khai ngày 29/6/2020, bị đơn anh Trần Trọng Ng trình bày: Về quan hệ hôn nhân: Anh Ng và chị Lê Thị Mỹ N có đăng ký kết hôn như chị N đã trình bày trong đơn khởi kiện. Quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn và không thể tiếp tục chung sống với nhau nên anh đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Anh Ng và chị N có một con chung là Trần Lê Cát V, sinh ngày 23/5/2015. Anh Ng đồng ý giao cháu V cho chị N nuôi dưỡng.

- Về tài sản và nợ chung: Anh Ng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A phát biểu ý kiến: Xét thấy, tình cảm vợ chồng chị N và anh Ng không còn nữa. Mâu thuẫn vợ chồng là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài nên cần chấp nhận yêu cầu của chị N được ly hôn với anh Ng. Về con chung: Xét thấy chị N có đủ khả năng lao động để nuôi con, đồng thời con còn nhỏ nên cần có sự chăm sóc của người mẹ nên cần giao cháu Trần Lê Cát V, sinh ngày 23/5/2015 cho chị N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N không yêu cầu nên không xét. Về tài sản và nợ chung: Chị N và anh Ng không yêu cầu nên không xét. Về án phí, chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Lê Thị Mỹ N yêu cầu ly hôn với anh Trần Trọng Ng, sinh năm 1992; địa chỉ: xx7 ĐT, Tổ T, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì đây là vụ án tranh chấp về ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai. Nguyên đơn chị N có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn anh Ng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227, các khoản 1, 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị N và anh Ng.

[2] Về hôn nhân: Chị Lê Thị Mỹ N và anh Trần Trọng Ng có đủ điều kiện kết hôn, đã đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên là hôn nhân

hợp pháp. Trong quá trình chung sống chị N và anh Ng đã phát sinh mâu thuẫn dẫn đến chị N có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Ng. Tổ dân phố T và UBND phường A đã có xác nhận về tình trạng mâu thuẫn của chị N và anh Ng, Tòa án đã nhiều lần tổ chức hòa giải nhưng anh Ng không đến, thể hiện thái độ bỏ mặc, không quan tâm đến việc tiếp tục duy trì cuộc sống vợ chồng và anh Ng cũng có lời khai đồng ý ly hôn với chị N. Chị N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với anh Ng. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị N và anh Ng là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N đối với anh Ng.

[3] Về nuôi con chung: Chị N và anh Ng có một con chung là Trần Lê Cát V, sinh ngày 23/5/2015, chị N có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu V và không yêu cầu anh Ng cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy, vì lợi ích của con chung, hiện nay cháu V đang được chị N trực tiếp nuôi dưỡng, cháu V hiện đang còn nhỏ nên cần có sự chăm sóc, nuôi dưỡng của người mẹ. Anh Ng cũng đồng ý giao cháu V cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Vì vậy, cần giao cháu Trần Lê Cát V cho chị N được trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Chị N không yêu cầu anh Ng phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản và nợ chung: Chị N và anh Ng không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Nguyên đơn chị Lê Thị Mỹ N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, bị đơn anh Trần Trọng Ng không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 227, 228, 238, 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

2. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Mỹ N.

- *Về hôn nhân:* Chị Lê Thị Mỹ N được ly hôn với anh Trần Trọng Ng.

- *Về nuôi con chung:* Giao cho chị Lê Thị Mỹ N được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trần Lê Cát V, sinh ngày 23/5/2015, khi cháu V chưa thành niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình. Chị N không yêu cầu anh Ng phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trên cơ sở lợi ích của con, các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- *Về án phí*: Chị Lê Thị Mỹ N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền số 0004421 ngày 29/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A, tỉnh Gia Lai. Chị N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm. Anh Ng không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

3. Trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án (25/9/2020), các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Thời hạn trên đối với đương sự vắng mặt được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND thị xã A;
- Chi cục THADS TX. A;
- UBND phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai (để ghi vào sổ hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)
Đồng Ánh Đông